

Số: 58 /2017/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 19 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

SỞ CÔNG THƯƠNG HÀ NAM
C.V
ĐẾN

Về việc phê duyệt quy hoạch phát triển Công nghiệp - Thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035
Số: 13.36
Ngày: 29/12/2017
Chuyên: *Đào tạo, ALCN, AITM*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020;
Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định Số 3892/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương Phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng Sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.
Căn cứ Quyết định số 3098/QĐ-BCT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại;
Căn cứ Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về quy hoạch phát triển Công nghiệp - Thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển Công nghiệp - Thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:
I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN
1. Quan điểm phát triển
1.1 Về phát triển Công nghiệp
Phát triển công nghiệp Hà Nam phù hợp với quy hoạch phát triển KTXH và các ngành kinh tế của tỉnh; phát triển công nghiệp của vùng và cả nước; đồng thời gắn với quá trình đô thị hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiếp tục phát triển công nghiệp với tốc độ cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và thương mại dịch vụ có trình độ và chất lượng cao. Cơ cấu kinh tế của tỉnh vẫn là công nghiệp – dịch vụ và nông nghiệp; tiến tới công nghiệp và dịch vụ - thương mại có tỷ trọng tương đương nhau sau năm 2030. Tăng cường năng lực, chủ động nắm bắt, tận dụng tối đa các lợi thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (công nghiệp 4.0) để thúc đẩy phát triển công nghiệp, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

Phát triển công nghiệp theo vùng, lãnh thổ một cách hợp lý. Tập trung thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Hạn chế và tiến tới không thu hút doanh nghiệp công nghiệp đầu tư vào bên ngoài khu, cụm công nghiệp.

Phát triển công nghiệp chú trọng bảo vệ môi trường, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia và giải quyết các vấn đề xã hội.

1.2 Phát triển Thương mại

Phát triển Thương mại tỉnh Hà Nam phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam, phù hợp với quy hoạch phát triển Thương mại Vùng và của cả nước.

Phát triển mạnh thương mại dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ có chất lượng cao cấp vùng về các lĩnh vực y tế, đào tạo nguồn nhân lực và du lịch. Phát triển thương mại theo hướng hiện đại dựa trên các cơ cấu ngành hợp lý với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh xuất khẩu làm động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Từng bước bắt nhịp với xu hướng thương mại điện tử mới của thế giới, phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh một cách đồng bộ, tương xứng với tiềm năng và khai thác tối đa lợi thế so sánh của tỉnh nhằm phát huy tốt hơn vai trò của thương mại đối với phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sản xuất và đời sống dân cư.

2. Mục tiêu phát triển

2.1 Mục tiêu phát triển Công nghiệp

- Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh đến năm 2020 là 53,7%, đến năm 2025 là 53% và đến năm 2035 là 47%.

- Tốc độ tăng trưởng GTSXCN bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 15,14%; giai đoạn 2020 -2025 đạt 16,1%; giai đoạn 2025 -2035 đạt 13,37%.

Mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu các nhóm ngành công nghiệp chủ yếu:

Các phân ngành công nghiệp	Tốc độ tăng trưởng bình quân năm (%)			Cơ cấu nội bộ ngành (%)		
	2016-2020	2021-2025	2026-2035	2020	2025	2035

Chế biến NS, TP, Đồ uống và TACN	16,50	17,52	14,39	30,2	32,1	35,1
Sản xuất thiết bị điện, điện tử và CNTT	25,79	19,56	17,55	19,6	22,7	32,6
Công nghiệp cơ khí, chế tạo, lắp ráp	31,07	17,51	20,24	8	8,5	15,3
CN sản xuất VLXD	9,29	10,04	1,38	20	15,3	5
Công nghiệp hóa chất, cao su, nhựa	18,33	23,12	9,11	8,2	11	7,5
Ngành Dệt may	6,25	9,61	5,05	10	7,5	3,5
Công nghiệp khác	0,52	8,86	1,92	4	2,9	1

2.2 Mục tiêu phát triển Thương mại

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành thương mại (giá SS năm 2010) trong GRDP tỉnh Hà Nam bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng trên 10%/năm; giai đoạn 2021-2025 tăng trên 13%/năm; giai đoạn 2026-2035 tăng 13,15%/năm.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (giá thực tế) giai đoạn 2016-2020 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 15,5%/năm, giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 17%/năm và giai đoạn 2026-2035 đạt khoảng 18%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 đạt 20%/năm (đến năm 2020 đạt khoảng 2,5 tỷ USD), giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 15%/năm (đến năm 2025 đạt khoảng 5,0 tỷ USD)/năm và giai đoạn 2026-2035 đạt khoảng 12-13%/năm.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. Công nghiệp chế biến Nông sản – Thực phẩm, Đồ uống

- Đối với công nghiệp sản xuất đồ uống:

Giai đoạn đến 2025: Tạo điều kiện cho các công ty bia, nước giải khát nâng công suất lên 100 triệu lít bia/năm, 600 triệu lít NGK/năm. Thu hút thêm từ 01 đến 02 dự án đầu tư mới: Dự án đầu tư sản xuất bia, công suất 100 triệu lít/năm; Dự án sản xuất, tinh chế rượu, cồn- công suất 3-5 triệu lít/năm; Dự án đầu tư sản xuất nước giải khát, công suất 300 triệu lít/năm.

Giai đoạn 2026- 2035: Khuyến khích các doanh nghiệp Bia - Rượu- Nước giải khát mở rộng sản xuất theo nhu cầu thị trường. Nâng công suất các nhà máy hiện có lên mức 200 triệu lít bia/năm; 900 triệu lít nước giải khát/năm, duy trì ổn định công suất sản xuất rượu.

- Công nghiệp chế biến sữa:

* Giai đoạn đến năm 2025: Tập trung phát triển các dự án sản xuất chế biến sữa, đặc biệt là các dự án chế biến gắn với chuỗi sản phẩm (nuôi trồng, thu mua→ chế biến→ tiêu thụ sản phẩm); Khuyến khích nhà máy sữa; dự án chăn nuôi bò sữa hiện có hoạt động sản xuất ổn định và phát huy hết công suất dự án.

* Giai đoạn 2026-2035: Khuyến khích đầu tư mở rộng, nâng công suất hiện có của các dự án sản xuất sữa đã được chấp thuận đầu tư trên địa bàn. Căn cứ

nhu cầu và khả năng sản xuất, tiếp tục nghiên cứu kêu gọi thu hút đầu tư thêm dự án chế biến sữa với công suất từ 100.000 tấn – 200.000 tấn/năm.

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi:

* Giai đoạn đến năm 2025: Ổn định công suất các dự án đã được chấp thuận đầu tư (khoảng 3,1 triệu tấn theo công suất đăng ký); Hạn chế, đồng thời thu hút có chọn lọc các dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi vào tỉnh; Ưu tiên các dự án mà nhà sản xuất hình thành chuỗi nông sản (SX thức ăn→ nuôi trồng→chế biến→tiêu thụ). Sau năm 2025 khuyến khích các nhà máy đầu tư đổi mới công nghệ, nâng công suất nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất và chất lượng sản phẩm.

- Chế biến thịt và rau quả:

* Giai đoạn đến 2025: Tạo điều kiện cho các cơ sở hiện có hoạt động hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch. Đồng thời thu hút đầu tư mới một số dự án giết mổ gia súc, gia cầm; Dây chuyền chế biến rau quả tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung tại các huyện Lý Nhân, Bình Lục; Ngoài ra, thu hút thêm một số dự án đầu tư dây chuyền sản xuất đồ ăn nhanh tại các khu, cụm công nghiệp.

Giai đoạn 2026-2035: Khuyến khích các cơ sở trên địa bàn mở rộng sản xuất. Thu hút thêm 01-02 dự án chế biến thịt hộp, chế biến nông sản phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành chế biến nông sản- thực phẩm- đồ uống (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 là 16,5%; giai đoạn 2021-2025 là 17,52%; giai đoạn 2026-2035 là 14,39%.

2. Công nghiệp sản xuất thiết bị điện, Điện tử và Công nghệ thông tin

Giai đoạn đến năm 2025: Hướng phát triển là tiếp tục tập trung phát triển một số nhóm ngành đã có thế mạnh sản xuất trên địa bàn tỉnh như: các sản phẩm thiết bị điện, điện tử thông dụng; linh kiện điện tử phục vụ cho việc hoàn thiện các sản phẩm điện tử gia dụng, các sản phẩm điện tử văn phòng, điện, điện tử phục vụ công nghiệp.

Tiếp tục kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài các ngành công nghiệp điện tử, tin học, đặc biệt là các nhóm ngành sản phẩm kỹ thuật cao, hàm lượng công nghệ và vốn lớn như: Thiết bị ngoại vi/ mạng và máy tính cá nhân; Các thiết bị thông tin di động chủ yếu; Thiết bị điện tử gia dụng thông dụng. Đồng thời xúc tiến, nghiên cứu sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử chuyên dụng.

Giai đoạn 2026-2035:

Dự kiến trong giai đoạn này sẽ phấn đấu tự chủ nắm vững đầy đủ các công nghệ mới trong sản xuất các nhóm sản phẩm công nghệ phức tạp hơn theo tiêu chí sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, trình độ tự động hóa cao hơn. Chú trọng thu hút phát triển nhóm các sản phẩm mới hình thành từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: máy in 3D, robot, thiết bị đeo thông minh; phương tiện tự hành, máy tính lượng tử; công nghệ sinh học, công nghệ nano,...

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử và công nghệ thông tin (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 là 25,79%; giai đoạn 2021-2025 là 19,56%; giai đoạn 2026-2035 là 17,55%.

3. Công nghiệp Cơ khí chế tạo, lắp ráp

Giai đoạn đến năm 2025: Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà máy sản xuất xe máy, chế tạo phụ tùng ô tô, xe máy, các cơ sở cơ khí hiện có phát huy tối đa công suất. Đồng thời thu hút đầu tư và phát triển một số dự án như: Các dự án mới về sản xuất, chế tạo cơ khí phục vụ nông nghiệp và giao thông vận tải; Các dự án công nghiệp hỗ trợ nội thất xe ô tô, phụ tùng ô tô, xe máy và các trang thiết bị khác, cơ khí và kết cấu thép xây dựng phục vụ xây dựng trên địa bàn tỉnh và các đô thị lân cận.

Phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành cơ khí để thúc đẩy sản xuất máy móc, thiết bị toàn bộ phát triển. Phát triển sản xuất cơ khí cho công nghiệp hỗ trợ của các ngành công nghiệp khác như: dệt may-da giày; sản xuất thiết bị điện, điện tử; sản xuất xi măng.

Giai đoạn 2026-2035:

Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở hiện có tăng cường đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường cả trong nước và xuất khẩu. Đồng thời tích cực thu hút đầu tư nước ngoài vào các quá trình sản xuất công nghệ cao, những khâu cơ bản mà doanh nghiệp trong nước chưa đáp ứng được.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành cơ khí chế tạo, lắp ráp (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 là 31,07%; giai đoạn 2021-2025 là 17,51%; giai đoạn 2026-2035 là 20,24%.

4. Công nghiệp khai thác và sản xuất VLXD

Duy trì ổn định công suất xi măng theo quy hoạch điều chỉnh (18,07 triệu tấn/năm), ổn định công suất vôi của các dự án đã có chủ trương đầu tư đến năm 2017, đồng thời tăng cường quản lý đưa ra ngoài quy hoạch những dự án có công nghệ lạc hậu, tiến độ đầu tư chậm, ảnh hưởng đến môi trường; tập trung vào việc đầu tư cải tạo để phát huy tối đa công suất thiết kế, giải quyết các vấn đề về môi trường; Hạn chế mở rộng, cấp mới các dự án khai thác đá xây dựng đảm bảo duy trì ổn định ở mức 10 triệu m³/năm. Phát triển hợp lý các sản phẩm vật liệu xây dựng mới, chế biến sâu để tiết kiệm tài nguyên. Không khuyến khích khai thác đá làm VLXD thông thường. Đến năm 2020, chấm dứt hoạt động các mỏ đá khai thác ngắn hạn. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp khai thác không đúng giấy phép, gây ô nhiễm môi trường, mất an toàn lao động. Giám các mỏ đá đã cấp phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích, động viên các mỏ đá đã đầu tư, đã có chủ trương đầu tư nằm trong quy hoạch phải di dời chuyển đổi ngành nghề, đồng thời có cơ chế chính sách hỗ trợ, di dời hợp lý.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 là 9,29%; giai đoạn 2021-2025 là 10,04%; giai đoạn 2026-2035 là 1,38%.

5. Công nghiệp hóa chất và sản xuất các sản phẩm từ hóa chất, hóa dược.

Hướng phát triển đối với từng nhóm sản phẩm như sau:

- Các sản phẩm cao su: Trước mắt ưu tiên tạo điều kiện phát triển nhà máy sản xuất săm lốp ô tô, xe máy và các sản phẩm cao su kỹ thuật tại khu CN Châu Sơn. Tập trung thu hút các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ sản phẩm từ cao su: lốp xe, linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn trong ô tô, các linh kiện nhựa trong ô tô...

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất: Các sản phẩm hóa chất luôn có nhu cầu tiêu thụ cao. Do vậy, cần duy trì sản xuất, nâng cao sản lượng và chất lượng các cơ sở hiện có. Do có yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường nên định hướng thu hút các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm sau: Sản phẩm phục vụ chăn nuôi; sản phẩm vệ sinh cá nhân và công nghiệp; các loại hạt nhựa PVC, túi nhựa, vải bạt PE, bao bì nhựa PP; vật tư làm giấy, dụng cụ thể thao; bao bì sản phẩm, keo dán tổng hợp.

- Sản xuất dược phẩm: Khuyến khích đầu tư phát triển các dự án: Bào chế thuốc đạt chuẩn GMP; dự án sản xuất thuốc gốc (generic); sản xuất nguyên liệu làm thuốc, sản xuất nguyên liệu hóa dược vô cơ; sản xuất tá dược thông thường và tá dược cao cấp; sản xuất nguyên liệu kháng sinh thế hệ mới; Phát triển công nghiệp chế biến và sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu phục vụ trung tâm y tế chất lượng cao.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành công nghiệp hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 là 18,33%; giai đoạn 2021-2025 là 23,12%; giai đoạn 2026-2035 là 9,11%.

6. Công nghiệp Dệt may – Da giày

Giai đoạn đến năm 2025: Thu hút phát triển các dự án sản xuất nguyên, phụ liệu và công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành dệt may-da giày. Hạn chế thu hút mới các dự án gia may gia công; chỉ thu hút những dự án có công nghệ hiện đại bảo vệ môi trường và hiệu quả cao.

Giai đoạn 2026-2035: Khuyến khích đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm. Quan tâm việc đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành công nghiệp dệt may- da giày (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 là 6,25%; giai đoạn 2021-2025 là 9,61%; giai đoạn 2026-2035 là 5,05%.

7. Xây dựng và phát triển làng nghề

Phát triển công nghiệp sơ chế và chế biến nông sản, tạo thành các cơ sở vệ tinh cho các nhà máy chế biến, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ.

Sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu; phát triển các dịch vụ sửa chữa cơ khí, điện, điện tử.

Hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống đã và đang được khôi phục có khả năng phát triển như Gốm Quyết Thành, rửa An Đổ, mộc dân dụng ở Yên

bắc- Duy Tiên và Lý Nhân; thêu ren Thanh Hà; mây tre đan Ngọc Động, sừng mỹ nghệ Đô Hai (xã An Lão), rượu Vọc (xã Vũ Bản)...

Phát triển các làng nghề truyền thống và hình thành các làng nghề mới.

III. QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI

1. Quy hoạch phát triển Thương mại theo thành phần kinh tế

Phát triển thương mại của tỉnh trên cơ sở phát huy tối đa thế mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế. trong đó cần chú trọng phát triển các doanh nghiệp thương mại tư nhân cả về quy mô và phạm vi kinh doanh để trở thành lực lượng chính cùng với thành phần thương mại Nhà nước phát triển không gian thương mại chung của tỉnh hướng ra thị trường ngoài tỉnh.

2. Quy hoạch phát triển Thương mại theo hình thái tổ chức

2.1. Phát triển mạng lưới chợ:

Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới chợ hợp lý theo yêu cầu phát triển: *Tại địa bàn nông thôn*, phát triển mạng lưới chợ dân sinh hạng III cấp xã, phù hợp nhu cầu trao đổi mua bán hàng hóa của người dân; phát triển tại mỗi huyện tối thiểu một chợ trung tâm huyện ở quy mô chợ hạng II. *Tại địa bàn đô thị*, phát triển có chọn lọc mạng lưới chợ dân sinh hạng III cấp phường theo hướng văn minh, hiện đại, chú trọng ở những khu đô thị và khu cư dân tập trung mới hình thành; phát triển chợ đầu mối bán buôn ở ngoại vi các thị trấn, thị xã nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ của các thị trường lớn, trọng điểm và bảo đảm sự ổn định chung của thị trường.

2.2. Phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị.

Hệ thống các siêu thị và TTTM sẽ được tập trung phát triển tại các đô thị trung tâm như TP. Phủ Lý, Đô thị Duy Tiên và thị trấn các huyện.

Đến 2025 số lượng Trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm, siêu thị trên địa bàn tỉnh như sau:

- Xây dựng 01 Trung tâm thương mại - hội chợ - triển lãm quy mô vừa tại thành phố Phủ Lý (diện tích khoảng 10.000 – 20.000 m², vốn đầu tư khoảng 200 tỷ đồng) để tổ chức kinh doanh thương mại hiện đại đa chức năng bao gồm cửa hàng, hội trường và hệ thống văn phòng cho thuê...

- Thu hút thêm 5 trung tâm thương mại nâng tổng số lên 09 trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh. Thu hút phát triển thêm 8 siêu thị nâng tổng số siêu thị trên địa bàn tỉnh là 14 siêu thị.

- Xây dựng các cửa hàng tự chọn với quy mô vừa và nhỏ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và văn minh thương nghiệp để phục vụ tốt nhu cầu ngày càng cao tại các khu đô thị.

- Củng cố và nâng cao chất lượng phục vụ của các cửa hàng kinh doanh chuyên ngành như xe máy, điện tử, điện lạnh...

2.3. Thương mại bán buôn

- Thu hút các tập đoàn, công ty bán buôn, phân phối thương hiệu lớn đầu tư vào tỉnh. Phát triển hệ thống thị trường hàng tư liệu sản xuất, các trung tâm bán buôn, các

doanh nghiệp bán buôn lớn, cung ứng trực tiếp từ sản xuất đến tiêu dùng, hỗ trợ các nhà sản xuất, nhà cung ứng bán nông sản vào các siêu thị, cửa hàng.

- Phát triển mạng lưới chợ bán buôn nông sản hiện đại (trong đó có các kho nông sản) theo hướng mua bán chuyên nghiệp, gắn kết doanh nghiệp kinh doanh chợ với nhà sản xuất nông sản.

- Xây dựng mạng lưới kinh doanh xăng dầu bảo đảm phát triển đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu nhiên liệu xăng dầu cho sản xuất và tiêu dùng xã hội.

2.4. Phát triển trung tâm logistics:

Trong thời kỳ đến 2025 trên địa bàn tỉnh sẽ xây dựng 01 Trung tâm Logistics (cảng cạn ICD, thuộc huyện Duy Tiên).

3. Quy hoạch phát triển Thương mại theo không gian

3.1. Thương mại đô thị:

- Việc xây dựng các không gian thương mại theo bố trí quy hoạch sẽ được thực hiện như sau:

Thu hút đầu tư xây dựng các Trung tâm thương mại lớn tại thành phố Phủ Lý với 03 trung tâm thương mại và 02 siêu thị. Tại thị trấn Vĩnh Trụ - Lý Nhân, trung tâm huyện Thanh Liêm và đô thị Duy Tiên sẽ thu hút đầu tư xây dựng thêm từ 2 đến 4 Trung tâm Thương mại và từ 3-5 siêu thị. Đồng thời, từng bước chuẩn bị các điều kiện cơ sở hạ tầng cơ sở kinh tế và một phần cơ sở vật chất, kỹ thuật thương mại cho các cụm thương mại tại các huyện trong tỉnh.

Từ sau năm 2025, không gian phát triển thương mại của tỉnh Hà Nam sẽ được mở ra ngay từ các tuyến huyện lỵ, thị trấn với phạm vi ngày càng rộng hơn và chứa đựng các hoạt động thương mại đa dạng hơn, đa chiều hơn.

3.2. Thương mại nông thôn:

- Hướng Quy hoạch là trên cơ sở các chợ đã được xây dựng và có lịch sử lâu đời cần nâng cấp, mở rộng phù hợp với lượng hàng hoá và tập quán tiêu dùng. Đồng thời khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình tổ chức thương mại, chú trọng các loại hình hiện đại, qui mô vừa, dần hình thành không gian giao dịch, mua sắm phong phú, thuận tiện.

4. Ngoại thương:

4.1. Xuất khẩu: Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu cần tập trung theo các hướng sau:

- Mở rộng mặt hàng và thị trường xuất khẩu sang các nước, đặc biệt là thị trường các nước châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ và các nước khối EU. Đây là các thị trường có nhiều tiềm năng phát triển lâu dài đối với các sản phẩm hàng hóa của tỉnh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu trực tiếp. Đẩy mạnh và mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm xuất khẩu chính đã có của tỉnh đặc biệt là những mặt hàng trong các khu công nghiệp. Đồng thời quan tâm phát triển các sản phẩm mới có giá trị cao.

4.2. Nhập khẩu: Quan tâm nhập khẩu các thiết bị dây truyền công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất của tỉnh nói chung và nhất là sản xuất hàng xuất khẩu như thiết

bị may dẹt, thiết bị chế biến nông lâm sản ... Nhập khẩu một số vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và một phần hàng tiêu dùng cần thiết mà trong tỉnh, trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất không đủ tiêu dùng.

5. Phát triển thương mại điện tử

Giai đoạn đến 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện công tác đào tạo nâng cao khả năng hoạt động thương mại điện tử của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động thương mại điện tử. Phấn đấu đến năm 2025 hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh đạt mức khá của cả nước.

Hình thành một số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử lớn có uy tín trong khu vực; khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp kinh doanh bằng thương mại điện tử. Hình thành, phát triển các sàn giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới uy tín.

IV. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các giải pháp chung về quản lý Nhà nước

1.1. Giải pháp về vốn

Giải pháp quan trọng nhất, quyết định mức tăng trưởng là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phát huy cao các nguồn nội lực đồng thời tạo mọi điều kiện để tranh thủ khai thác các yếu tố, nguồn vốn từ bên ngoài (bao gồm vốn của Trung ương, Việt kiều, quốc tế, vốn của các địa phương khác). Để có thể huy động được các nguồn lực cho đầu tư phát triển tỉnh cần thực hiện một số giải pháp sau:

Tăng cường quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Cải thiện môi trường đầu tư, nhất là cải cách hành chính, chuẩn bị mặt bằng, tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để tiếp nhận các dự án đầu tư. Xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn, công khai minh bạch phù hợp với các quy định của pháp luật.

Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, PPP tạo điều kiện phát triển thị trường vốn, phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư góp vốn bằng nhiều hình thức.

1.2. Giải pháp về nguồn nhân lực

Hướng đào tạo nguồn nhân lực cần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

- Tổ chức thực hiện tốt chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá-hiện đại hoá trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

- Rà soát điều chỉnh và quy hoạch lại hệ thống đào tạo trung học và dạy nghề trên địa bàn tỉnh theo hướng: đào tạo phải gắn với yêu cầu, mục tiêu của sự phát triển.

- Đầu tư, nâng cấp một số trường dạy nghề hiện có với các trang thiết bị hiện đại, đảm bảo tính cân đối giữa dạy lý thuyết và thực hành, phát huy được kiến thức

đào tạo trong thực tiễn. Đa dạng hóa và mở rộng các hình thức hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.

1.3. Giải pháp về tổ chức và quản lý

Có sự phối hợp đồng bộ, kịp thời giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại vì sự phát triển chung của tỉnh.

2. Các giải pháp phát triển Công nghiệp.

2.1. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp và sản các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh

- Công nghiệp hỗ trợ, Điện- điện tử; Công nghiệp hóa dược – dược phẩm; Chế biến nông sản thực phẩm; Sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp. Với các sản phẩm chủ lực ưu tiên phát triển. gồm sản phẩm điện-điện tử, Các sản phẩm phụ trợ cho sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, các sản phẩm hóa dược, chế biến nông sản, thực phẩm, sản phẩm xi măng chất lượng cao.

- Tập trung mọi nguồn lực tổ chức thực hiện chiến lược xuất khẩu của Hà Nam. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm hàng có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn.

- Rà soát, bổ sung, xây dựng mới các cơ chế, chính sách, quy định về xuất khẩu của tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ, tôn vinh doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu. Triển khai các chương trình hợp tác, liên doanh liên kết của Hà Nam với các địa phương khác trong cả nước để đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, các ngành phụ trợ, liên kết sản xuất - chế biến tại chỗ phục vụ xuất khẩu.

2.2. Giải pháp về khoa học và công nghệ

Lựa chọn đúng công nghệ cần đổi mới, sử dụng công nghệ nhiều tầng, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, thông qua đổi mới công nghệ giúp nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Xây dựng chính sách về đổi mới công nghệ, hình thành doanh nghiệp khoa học công nghệ. Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, mua phát minh, sáng chế công nghệ.

3. Các giải pháp phát triển Thương mại.

3.1. Giải pháp tổ chức hệ thống Thương mại trên địa bàn

- Quan tâm thu hút đầu tư xây dựng trung tâm Thương mại tại đô thị làm đầu mối liên kết và cung cấp hàng hoá lớn, cung cấp thông tin thị trường, định hướng sản xuất và làm cầu nối giữa sản xuất- tiêu dùng.

- Nâng cấp hệ thống chợ nông thôn, chợ trung tâm của các huyện làm vệ tinh cho các Trung tâm thương mại. Thực hiện văn minh Thương mại ở các đô thị bằng tổ chức các siêu thị và cửa hàng tự chọn, mở rộng thị trường nông thôn bằng các hợp tác xã Thương mại và hệ thống chợ.

- Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho các công ty thương mại áp dụng hình thức kinh doanh hiện đại, thương mại điện tử; khuyến khích các doanh nghiệp thương mại trong và ngoài nước đặt văn phòng đại diện, mở chi nhánh và các cửa hàng đại lý.

3.2. Giải pháp nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá

- Quản lý chặt chẽ nhập khẩu, hết sức coi trọng nhập khẩu công nghệ cao, công nghệ hiện đại từ các thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan quy hoạch vùng sản xuất hàng hoá phù hợp với yêu cầu thị trường nhằm nâng cao chất lượng hàng hoá giảm giá thành đảm bảo sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

3.3. Giải pháp về thị trường

* Thị trường trong nước:

- Phát huy lợi thế thành phố vệ tinh cho Hà Nội, liên kết phát triển mạng lưới bán lẻ, tiêu thụ nông sản, thực phẩm sạch

- Hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật Thương mại và mạng lưới phân phối, tiêu thụ của các thành phần kinh tế trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, ngăn chặn tệ nạn buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ lợi ích chính đáng của người sản xuất của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

* Thị trường nước ngoài:

- Giữ vững thị trường truyền thống, nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu mới: Thị trường Hoa Kỳ (may mặc, da giày), thị trường Trung Đông và Châu Phi (*hàng thủ công mỹ nghệ: gỗ, mây tre đan, ...*), thị trường Nhật Bản và Ấn Độ (*tơ tằm, vải tơ tằm*)...

- Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng ở nước ngoài mạng lưới đại lý, phân phối, trung tâm trưng bày giới thiệu sản phẩm hoặc áp dụng phương thức mua bán linh hoạt như gửi bán, thanh toán chậm hoặc hỗ trợ cộng đồng người Việt ở nước ngoài nhập hàng của các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với cơ quan Tham tán Thương mại của nước ta ở nước ngoài và Tham tán Thương mại của nước ngoài tại Việt Nam để giới thiệu chào bán hàng xuất khẩu của tỉnh.

- Thực hiện chính sách khuyến khích xuất khẩu, có chính sách hỗ trợ xuất khẩu như : Thuởng xuất khẩu, lập quỹ hỗ trợ xuất khẩu, lập quỹ bảo hiểm về giá cho một số mặt hàng xuất khẩu

3.4. Giải pháp về đẩy mạnh hoạt động xúc tiến Thương mại

- Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, giao lưu, tiếp xúc với các đối tác trong nước và quốc tế; Cung cấp thông tin và dự báo thị trường cho Doanh nghiệp, tư vấn giúp các Doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ xuất nhập khẩu

- Hướng dẫn Doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu. Hỗ trợ Doanh nghiệp đặt văn phòng đại diện, chi nhánh tại nước ngoài. Nâng cấp trang thông tin điện tử Công nghiệp- Thương mại của tỉnh để giới thiệu hàng hoá.

4. Biện pháp bảo vệ môi trường

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, phát hiện và xử lý nghiêm minh đồng thời có tuyên dương, khen thưởng đối với các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

- Tiến hành sớm việc đánh giá hiện trạng môi trường đối với toàn bộ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện có, các cơ sở sản xuất để có phương án xử lý chung trên địa bàn cũng như từng khu vực.

V. CÁC CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Chính sách thu hút đầu tư

- Thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư theo Luật Đầu tư đã được ban hành. Cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng nhằm thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia nhất là các nhà đầu tư nước ngoài.

- Xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn Hà Nam.

- Có chính sách ưu đãi thích hợp thu hút nguồn vốn đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài thông qua các phương tiện thông tin, thân nhân trong nước để về đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.

2. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Chú trọng công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp thương mại. Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển các cơ sở dạy nghề; thu hút nhân tài, lao động có tay nghề cao đến làm việc lâu dài tại tỉnh Hà Nam.

- Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân; Đào tạo thương mại điện tử cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

3. Chính sách phát triển khoa học- công nghệ

Hỗ trợ vốn chuyển giao công nghệ cho cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, chi phí đăng ký nhãn mác hàng hóa, xây dựng thương hiệu...

Trong chuyển giao công nghệ cần khuyến khích, tranh thủ tối đa việc tiếp nhận công nghệ hiện đại; chú trọng chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên mở các lớp đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp để nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức và thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ theo hướng gắn kết giữa 3 nhà (Nhà khoa học - Nhà quản lý - Nhà sản xuất); giữa cơ quan nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp để đảm bảo các kết quả nghiên cứu khoa học sớm được ứng dụng trong thực tiễn sản xuất.

4. Chính sách hợp tác liên vùng và phối hợp phát triển

Tăng cường quan hệ hợp tác giữa Hà Nam với các tỉnh, thành phố trong khu vực đồng bằng Bắc bộ, nhất là thành phố Hà Nội, để phát huy hiệu quả. Phát huy lợi thế của tỉnh về vị trí địa lý và tiềm năng thúc đẩy phát triển công nghiệp. Phối hợp chặt chẽ, tận dụng tối đa lợi thế về liên kết vùng, liên kết tuyến để đẩy nhanh sự phát triển của tỉnh.

Chủ động xây dựng và triển khai cùng các địa bàn khác trong vùng, tuyến hành lang kinh tế những chương trình phát triển công nghiệp công nghệ cao thích hợp cho tỉnh, vùng và tuyến hành lang kinh tế như công nghiệp phần mềm, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ chế biến thực phẩm chất lượng cao,...

VI. NHÓM NGÀNH ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ

Tập trung ưu tiên thu hút đầu tư vào các nhóm ngành như: Công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, chế biến nông sản – thực phẩm; Các dự án cơ sở hạ tầng và dịch vụ thương mại. Trong đó trọng tâm là tại các khu công nghiệp và hạ tầng dịch vụ thương mại tại Thành phố Phủ Lý.

Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho phát triển công nghiệp thương mại, bao gồm: Vốn doanh nghiệp, nhân dân, vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện Quy hoạch; công bố rộng rãi quy hoạch được duyệt, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và các vấn đề phát sinh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng chương trình, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển Công nghiệp – Thương mại tổ chức thực hiện.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình cùng với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức, chỉ đạo thực hiện các dự án theo mục tiêu, nội dung Quy hoạch.

3. UBND các huyện, thành phố căn cứ nội dung Quy hoạch phối hợp với các Sở, ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *đ*

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (để b/cáo);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Sở: Công thương, TC, KH&ĐT;
- VPUB: LĐVP, TH;
- Lưu VT, KT.

QD19/2017



Nguyễn Xuân Đông

